

Số: 38/2018/QĐST-DS

Bình Tân, ngày 18 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2018/TLST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2018

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962

HKTT: Tổ 6, k 3, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: Tổ 15, ấp T, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1947

Ông Nguyễn Thành T (Nguyễn Văn Đ) sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Thành T (Nguyễn Văn Đ) có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vốn là 110.000.000đồng và tiền lãi là 58.493.880 đồng, tổng cộng là 168.493.880 đồng (*một trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn tám trăm tám chục đồng*).

Án phí:

Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Thành T (Nguyễn Văn Đ) thỏa thuận bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Thành T (Nguyễn Văn Đ) chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.212.000 đồng.

Cụ thể bà Nguyễn Thị E chịu 2.106.000 đồng (*hai triệu một trăm lẻ sáu nghìn đồng*), tuy nhiên bà Nguyễn Thị E là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Cho nên bà Nguyễn Thị E không phải nộp tiền án phí này.

Ông Nguyễn Thành T (Nguyễn Văn Đ) phải chịu 2.106.000 đồng (*hai triệu một trăm lẻ sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ánh Dương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự;

nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).